

Số: 22/2024/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều
kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 16/TTr-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế
- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết Quy định một
số nội dung, mức chi, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa
bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 241/BC-HĐND ngày 29
tháng 11 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi,
hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh
tổ chức thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân
bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng theo quy định.

2. Các chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. /*sea*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TT. HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Kèm theo Nghị quyết số 22 /2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó đảm bảo chi trong nguồn kinh phí được phân bổ theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương. Cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí với nguồn ngân sách cùng cấp.
2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng chế độ, định mức, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Hội đồng nhân dân được chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung tại cơ quan, đơn vị công tác.

Chương II MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI, HỖ TRỢ CỤ THỂ

Điều 4. Hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ đơn vị, điểm tiếp xúc cử tri: Trường hợp đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, mức chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri theo quy định của Đoàn Đại biểu Quốc hội. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri do Hội đồng nhân dân cấp cao nhất đảm bảo, mức chi như sau:

a) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 5.000.000 đồng/điểm;

b) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 2.500.000 đồng/điểm;

c) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.500.000 đồng/điểm.

2. Chi hỗ trợ cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Hoạt động tiếp công dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được quy định: 150.000 đồng/người/ngày.

2. Cán bộ, công chức; lực lượng an ninh; y tế được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân: 75.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Hoạt động giám sát (giám sát chuyên đề, khảo sát; thẩm tra)

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức làm việc với đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/đơn vị (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh);

b) Cấp huyện: 2.500.000 đồng/đơn vị (trừ các phòng, ban, ngành cấp huyện);

c) Cấp xã: 1.500.000 đồng/đơn vị (trừ các cơ quan, đơn vị cấp xã).

2. Chi hỗ trợ cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra; họp Đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

3. Căn cứ mức chi tại khoản 2 Điều này, đại biểu là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát, chủ trì thẩm tra được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

Điều 7. Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời được đảm bảo chế độ công tác phí (tiền phương tiện, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ) theo quy định hiện hành. Ngoài ra, trong trường hợp tự túc phương tiện khi tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ thêm với các mức như sau:

1. Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;
2. Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
3. Cấp xã: 75.000 đồng/người/ngày.

Điều 8. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, với mức hỗ trợ:

- a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm;
- b) Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/năm;
- c) Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/năm.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định của cấp có thẩm quyền thì không được hưởng chế độ theo quy định tại Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ may lễ phục

1. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu được hỗ trợ may lễ phục như sau:

- a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- b) Cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;

c) Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may lễ phục bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ đại biểu nghiên cứu

Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, với mức hỗ trợ:

1. Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng.
2. Cấp huyện: 400.000 đồng/người/tháng.
3. Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Hỗ trợ kinh phí (ngoài các chế độ được hưởng theo quy định hiện hành) cho đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân khi được cấp có thẩm quyền, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công đi dự hội nghị, học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ ngoài tỉnh liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, như sau:

a) Đi nước ngoài: 5.000.000 đồng/người/đợt;

b) Đi trong nước (ngoài tỉnh): Thời gian từ 15 ngày trở lên: 5.000.000 đồng/người/đợt; từ 07 ngày đến 14 ngày: 3.000.000 đồng/người/đợt; từ 04 ngày đến 06 ngày: 2.000.000 đồng/người/đợt; từ 01 ngày đến 03 ngày: 1.000.000 đồng/người/đợt.

2. Chi tổ chức đoàn công tác đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân thực hiện theo chương trình, kế hoạch và dự toán kinh phí được phê duyệt.

Điều 12. Hỗ trợ khai thác thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ kinh phí khai thác thông tin, tài liệu cho đại biểu Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng;
- b) Cấp huyện: 250.000 đồng/người/tháng;
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng.

2. Mức chi hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân: Thực hiện theo đề án, kế hoạch và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Phục vụ kỳ họp, các hoạt động của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi hoạt động tại kỳ họp, thảo luận Tổ trước Kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Chi hỗ trợ cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

b) Căn cứ mức chi tại điểm a, khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ tọa kỳ họp, Chủ trì phiên thảo luận Tổ được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng và Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

c) Chi hỗ trợ các đơn vị phối hợp tổ chức, phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Bộ phận Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia chuẩn bị phục vụ kỳ họp: 4.000.000 đồng/ngày; bộ phận Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia phục vụ chuẩn bị kỳ họp: 2.000.000 đồng/ngày; bộ phận làm nhiệm vụ truyền hình trực tiếp kỳ họp: 3.000.000 đồng/ngày; Đội Bảo vệ mục tiêu tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.000.000 đồng/ngày; bộ phận được phân công tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông: 4.000.000 đồng/ngày; nhân viên trực điện, nhân viên y tế: 200.000 đồng/người/ngày;

Cấp huyện: Bộ phận Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tham gia chuẩn bị phục vụ kỳ họp: 2.000.000 đồng/ngày; bộ phận được phân công tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông: 2.000.000 đồng/ngày họp; nhân viên trực điện, nhân viên y tế: 100.000 đồng/người/ngày;

Cấp xã: Bộ phận phục vụ Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tham gia chuẩn bị phục vụ kỳ họp: 1.000.000 đồng/ngày; bộ phận được phân công tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông: 1.000.000 đồng/ngày; nhân viên trực điện, nhân viên y tế: 50.000 đồng/người/ngày.

2. Phục vụ tổ chức hội, họp (phiên họp giải trình, chất vấn; hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân; hội nghị, hội thảo lấy ý kiến đóng góp văn bản do Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân chủ trì; hội nghị tập huấn, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân; hội nghị chuyên đề khác)

a) Chi hỗ trợ cá nhân tham dự, phục vụ các cuộc hội, họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi; mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

b) Căn cứ mức chi tại điểm a khoản 2 Điều này, đại biểu là Chủ trì được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng; Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

c) Chi hội, họp do các Ban Hội đồng nhân dân tổ chức: Mức chi bằng 70% mức chi tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

3. Hỗ trợ ăn

a) Tại các kỳ họp, thảo luận Tổ; hội nghị thẩm tra các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; cuộc họp, phiên họp giải trình, chất vấn, hội nghị, hội thảo liên quan đến hoạt động Hội đồng nhân dân: Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động và lực lượng được trưng tập phục vụ được hỗ trợ tiền ăn không quá 150.000 đồng/người/buổi. Tùy theo tình hình thực tế của địa phương, nơi nào có điều kiện huy động lương thực, thực phẩm, đảm bảo mức ăn cho đại biểu, thì có thể giảm trừ kinh phí trên.

b) Trường hợp không bố trí ăn tập trung thì được thanh toán theo mức chi tiền ăn.

c) Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân có tổ chức mời cơm, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị và tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Hỗ trợ nước uống giữa buổi tại các cuộc họp, hội nghị: 25.000 đồng/người/buổi.

Điều 14. Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội đồng nhân dân

1. Chi thăm hỏi, hỗ trợ các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội, tôn giáo, dân tộc thiểu số; lực lượng vũ trang; cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; cơ sở chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội

a) Cấp tỉnh: Không quá 10.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lượt và không quá 02 lượt/đối tượng/năm;

b) Cấp huyện: 3.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lượt và không quá 02 lượt/đối tượng/năm;

c) Cấp xã: 2.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lượt và không quá 02 lượt/đối tượng/năm.

2. Chi thăm hỏi, hỗ trợ cá nhân là gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; người có uy tín, nhân sĩ trí thức; hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật không nơi nương tựa

- a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/cá nhân/lượt;
- b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/cá nhân/lượt;
- c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/cá nhân/lượt.

3. Chi thăm hỏi, hỗ trợ khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau đối với đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân; cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) và con của đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/lượt;
- b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/lượt;
- c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/lượt.

4. Chi viếng tang lễ

- a) Đối tượng viếng tang lễ

Đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa;

Lãnh đạo Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cán bộ chủ chốt các huyện, thành phố Cà Mau; cha, mẹ ruột, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của các đối tượng này;

Cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương nhiệm;

Cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương chức và đã nghỉ hưu, thôi việc.

- b) Mức chi

Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người;

Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người;

Cấp xã: 2.000.000 đồng/người.

5. Hỗ trợ mua quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân

a) Khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; chuyển công tác khác (không còn là đại biểu Hội đồng nhân dân); nghỉ hưu; thôi việc; thôi giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu: Mức chi cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người; cấp huyện: 2.500.000 đồng/người, cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

b) Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân khi nghỉ hưu, thôi việc; chuyển công tác: Mức chi cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/người; cấp huyện: 1.500.000 đồng/người, cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

Điều 15. Hỗ trợ soạn thảo và ban hành văn bản

1. Cấp tỉnh

a) Xây dựng văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân: 1.500.000 đồng/văn bản;

b) Xây dựng kế hoạch giám sát (bao gồm đề cương); báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân: 3.000.000 đồng/văn bản;

c) Xây dựng kế hoạch giám sát, khảo sát (bao gồm đề cương); báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/văn bản. Báo cáo theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội: 1.000.000 đồng/văn bản;

d) Xây dựng báo cáo thẩm tra các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân (trừ nghị quyết quy phạm pháp luật): 1.500.000 đồng/văn bản. Xây dựng báo cáo thẩm tra các văn bản trình Thường trực Hội đồng nhân dân; biên bản tổng hợp ý kiến của đại biểu qua thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/văn bản;

đ) Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu qua thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân; kế hoạch tổ chức phiên giải trình, phiên chất vấn (bao gồm đề cương) của Thường trực Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/văn bản;

e) Xây dựng báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp: 1.000.000 đồng/văn bản. Xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động, chuyên đề 06 tháng trở lên của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân; biên bản Kỳ họp Hội đồng nhân dân: 800.000 đồng/văn bản;

g) Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/văn bản;

h) Xây dựng đề án, quy chế, quy định của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân: 3.000.000 đồng/văn bản;

i) Xây dựng bài phát biểu khai mạc, phát biểu bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân. Báo cáo đề dẫn hội nghị, hội thảo của Thường trực Hội đồng nhân dân; bài phát biểu tham luận tại các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trung ương, khu vực, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tổ chức: 1.500.000 đồng/văn bản;

k) Xây dựng chương trình kỳ họp (bao gồm chương trình điều hành kỳ họp); Thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp, hội nghị, hội thảo; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; văn bản trả lời phỏng vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân; kế hoạch

tiếp xúc cử tri trước, sau kỳ họp Hội đồng nhân dân (bao gồm đề cương tiếp xúc cử tri): 500.000 đồng/văn bản;

1) Xây dựng nghị quyết cá biệt do Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân (trừ nghị quyết về công tác cán bộ): 1.000.000 đồng/văn bản.

2. Cấp huyện: Mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cấp xã: Mức hỗ trợ bằng 25% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này./.
